

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống (gam/hs)	Đơn giá /Kg	Thành tiền	Thực phẩm chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (21/04)	Chả cốm làng Vòng chiên chấm sốt	Chả cốm	gram	55	160,000	8,800	40-45	109.0	Chất đốt	1,000	
		Sốt chua ngọt	gram	10	50,000	500			Lãi dự kiến	400	
	Trứng kho tiêu	Trứng gà bóc	quả	1	3,500	3,500	40-45	90.0	Khấu hao	200	
	Su su, cà rốt xào	Su su, cà rốt	gram	70	25,000	1,750	45-50	15.0	Nhân công	4,500	
	Canh củ quả hầm xương	Khoai tây, cà rốt	gram	30	25,000	750	210-220	15.0	NRB+NL	200	
		Xương lợn	gram	8	80,000	640			Nước sạch	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Bánh xốp Hải Châu	Bánh xốp Hải Châu	bánh	2	1,500	3,000		80.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					4,000					
	Cộng thứ 2					25,460		721.0		6,400	31,860
Thứ 3 (22/04)	Cá rô file chiên giòn	Cá rô file	gram	55	150,000	8,250	40-45	90.0	Chất đốt	1,000	
	Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	55-60	90.0	Lãi dự kiến	400	
		Cà chua	gram	15	30,000	450			Khấu hao	200	
	Củ cải, cà rốt xào	Củ cải, cà rốt	gram	70	25,000	1,750	50-52	15.0	Nhân công	4,500	
	Canh mùng tơi nấu tôm nõn	Mùng tơi	gram	30	25,000	750	220-240	12.0	NRB+NL	200	
		Tôm nõn khô	gram	0.4	600,000	240			Nước sạch	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh gato Hoa Sữa	bánh	1	5,000	5,000		110.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					4,000					
	Cộng thứ 3					24,710		729.0		6,400	31,110
Thứ 4 (23/04)	Thịt lợn rang hành	Thịt lợn	gram	78	159,000	12,402	50-55	133.0	Chất đốt	1,000	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	30,000	2,400	60-65	24.0	Lãi dự kiến	400	
	Cải ngọt, cà rốt xào	Cải ngọt, cà rốt	gram	75	25,000	1,875	50-52	22.0	Khấu hao	200	
	Canh cải xanh nấu thịt	Cải xanh	gram	30	25,000	750	220-240	15.0	Nhân công	4,500	
		Thịt lợn	gram	2	159,000	318			NRB+NL	200	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0	Nước sạch	100	
	Sữa hộp Hà Nội milk	Sữa hộp Hà Nội milk	hộp	1	5,000	5,000		80.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000					
	Cộng thứ 4					27,265		686.0		6,400	33,665
Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống (gam/hs)	Đơn giá /Kg	Thành tiền	Thực phẩm chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
	Thịt gà file kho trứng cút	Thịt gà file	gram	55	100,000	5,500	45-50	121.0	Chất đốt	1,000	



Thứ 5 (24/04)	Thịt lợn xào ngũ sắc	Trứng cút	quả	4	1,000	4,000	30-35	70.0	Lãi dự kiến	400	
		Thịt lợn	gram	15	159,000	2,385			Khấu hao	200	
		Ngô ngọt hạt	gram	10	80,000	800			Nhân công	4,500	
		Cove, cà rốt	gram	25	30,000	750			NRB+NL	200	
	Cải bắp xào	Cải bắp	gram	70	25,000	1,750	50-52	14.0	Nước sạch	100	
		Bí đỏ	gram	30	25,000	750					
	Canh bí đỏ nấu thịt	Thịt lợn	gram	2	159,000	318	220-240	15.0			
		Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520					
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
Thứ 6 (25/04)	Cơm rang thập cẩm	Bánh gạo Trảng An	bánh	2	2,000	4,000		70.0			
		Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)				3,000					
		Cộng thứ 5				25,773		702.0	6,400	32,173	
		Thịt lợn	gram	13	159,000	2,067	220-230	540.0	Chất đốt	1,000	
			gram	15	80,000	1,200			Lãi dự kiến	400	
			gram	30	30,000	900			Khấu hao	200	
			gram	15	145,000	2,175			Nhân công	4,500	
			gram	140	21,000	2,940			NRB+NL	200	
			gram	8	62,000	496			Nước sạch	100	
	Xúc xích chiên	Xúc xích	cái	1	8,000	8,000		90.0			
	Canh thịt nấu chua thả giá	Thịt lợn	gram	2	159,000	318	210-240	13.0			
		Cà chua	gram	10	30,000	300					
		Giá đỗ	gram	10	25,000	250					
Thứ 7 (26/04)	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		110.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000					
	Cộng thứ 6					25,646		753.0	6,400	32,046	
	Thịt bò hầm củ quả	Thịt bò	gram	45	250,000	11,250	50-55	130.0	Chất đốt	1,000	
		Khoai tây, cà rốt	gram	40	30,000	1,200			Lãi dự kiến	400	
	Muối vùng lạc	Lạc rang	gram	25	90,000	2,250	25-27	120.0	Khấu hao	200	
		Vùng rang	gram	3	100,000	300			Nhân công	4,500	
	Rau muống xào	Rau muống	gram	70	25,000	1,750	45-50	14.0	NRB+NL	200	
	Canh chua dầm me	Me	gram	5	50,000	250	220-240	10.0	Nước sạch	100	
Thứ 7 (26/04)	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Chuối Tuấn Việt	Chuối Tuấn Việt	quả	1	2,500	2,500		70.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					3,000					
	Cộng thứ 7					25,020		756.0	6,400	31,420	

Đại diện Nhà Trường

Ban Bán Trú

Đại diện Công Ty

TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGỌC LÂM
NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN

Nguyễn Thị Đức

CÔNG TY
THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN
SỮA
HOA SỮA
Q. HÀ ĐÔNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ VÂN